

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH XUYÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST  
Ngày 31 - 8 - 2017  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Bích Thuần
2. Ông Nguyễn Quang Thái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2017/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thành T, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Lê Thành T được tự do tìm hiểu và kết hôn ngày 03 tháng 3 năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2011 thì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đã nhiều năm nghiện ma túy, hiện đang điều trị uống thuốc cai nghiện tại Trung tâm y tế huyện B, chị đã nhiều lần khuyên bảo anh nhưng anh không thay đổi nên vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống và về chi tiêu, kinh tế trong gia đình.

Tháng 5 năm 2017, chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện B sống ly thân với anh T, không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lê Thị Phương U, sinh ngày 08/12/2008 và Lê Phương O, sinh ngày 21/11/2011. Hiện nay hai cháu U, O đang ở cùng anh T. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu U, O; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thành T trình bày: Anh thừa nhận toàn bộ lời khai của nguyên đơn về thời gian, địa điểm kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là đúng. Về yêu cầu xin ly hôn của chị Q, tại bản tự khai anh không đồng ý nhưng quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh xác nhận tình cảm vợ chồng anh không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng anh có 02 con chung như chị Q trình bày. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Phương U, sinh ngày 08/12/2008, còn cháu Lê Phương O, sinh ngày 21/11/2011 giao chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cho chị Q được ly hôn anh T; giao cháu O cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu U cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra buộc chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn là anh Lê Thành T ở thôn C, xã H, huyện B nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ

luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Q; lời khai của chị Q và anh T tại phiên tòa thể hiện việc kết hôn giữa chị và anh Lê Thành T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, anh T không tu trí làm ăn, không quan tâm chăm lo cho đời sống gia đình, vợ con. Ngoài ra, anh còn nghiện ma túy, thường đem tài sản, vật dụng trong gia đình đem bán lấy tiền chơi bời mặc dù chị Q nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không sửa. Đó là nguyên nhân nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Từ tháng 5/2017 chị Q đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và sống ly thân hoàn toàn với anh T, hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q để giúp các đương sự có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Thành T thừa nhận có 02 con chung là cháu Lê Thị Phương U, sinh ngày 08/12/2008 và Lê Phương O, sinh ngày 21/11/2011. Ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Phương U, sinh ngày 08/12/2008, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Q về việc để chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, Hội đồng xét xử thấy, chị Q có nghề nghiệp là công nhân, hàng tháng có mức thu nhập ổn định khoảng trên 7.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, chị thường xuyên phải đi làm ca nên về thời gian chăm sóc con có phần hạn chế, chỗ ở hiện tại sống cùng bố mẹ đẻ, chưa có chỗ ở ổn định. Vì vậy việc giao cả hai cháu U, O cho chị Q nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu. Mặt khác anh T cũng có nghề nghiệp là thợ xây, mức thu nhập khoảng từ 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng/tháng, cháu U hiện đang là học sinh tiểu học tại xã H và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy cần giao cháu Lê Thị Phương U, sinh ngày 08/12/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Phương O, sinh ngày 21/11/2011 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Thành T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Phương O, sinh ngày 21/11/2011 (Hiện nay cháu O đang ở với anh T); giao anh Lê Thành T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Thị Phương U, sinh ngày 08/12/2008. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002188 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND H.Bình Xuyên;
- Chi cục THADS H.Bình Xuyên;
- UBND xã Hương Sơn, H.Bình Xuyên;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Anh Vũ**